

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 904/2022/HC-PT  
Ngày: 18 - 11 - 2022  
V/v Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng  
nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng  
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Minh  
Ông Phan Nhựt Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 376/2020/TLPT-HC ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2077/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1954. (có mặt)

Cư trú: Tổ 10, ấp N, xã Th, huyện T, tỉnh An Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Luật sư Huỳnh Văn B - Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

Địa chỉ: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

**- Người bị kiện:**

1/. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Hùng D. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Thanh H. (có đơn xin xét xử

vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Lê Thanh Ph. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Nguyễn Thuận L, sinh năm 1951. (có mặt)

Cư trú: Tổ 10, ấp N, xã Th, huyện T, tỉnh An Giang.

2/. Ông Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1946. (đã chết)

Cư trú: Thôn Nh, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3/. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1946. (vắng mặt)

4/. Bà Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1968. (có mặt)

5/. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1986. (có mặt)

Cùng cư trú: Tổ 10, ấp N, xã Th, huyện T, tỉnh An Giang.

6/. Bà Nguyễn Xuân M, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Cư trú: ấp V, xã Ch, thị xã T2, tỉnh An Giang.

7/. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1969. (có mặt)

8/. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 10, ấp N, xã Th, huyện T, tỉnh An Giang.

9/. Bà Bùi Thị Kh, sinh năm 1958. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

10/. Ông Nguyễn Phước M, sinh năm 1977. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

11/. Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1979. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

12/. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1980. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 10, ấp S, xã Th, huyện T, tỉnh An Giang.

*Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thu Tr:* Luật sư Trần Tiến V - Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

Địa chỉ: số 18 đường T, phường M1, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện Nguyễn Thị Thu V trình bày:*

Vào năm 1954, cha mẹ bà là Nguyễn Quang Ch, sinh năm 1920 (chết ngày 14/2/1957) và bà Nguyễn Thị Ch1, sinh năm 1922 (chết năm 1994) thừa hưởng phần diện tích 6.40 ha đất, tọa lạc tại ấp N, xã Th, huyện T, tỉnh An Giang của ông nội bà V là ông Nguyễn Quang G để lại. Trên đất ông bà nội có trồng cây ăn trái như: Xoài, Đào, Vú Sữa, Hồng Quân... Năm 1930, ông nội bà V có cất một

ngôi chùa đặt tên là TST để thân tộc thờ cúng và một phần đất dùng để chôn cất người trong thân tộc qua đời.

Cha mẹ bà có 07 người con gồm: Nguyễn Thành X (chết), Nguyễn Văn Q (chết), Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Trung H, Nguyễn Thuận L, Nguyễn Phước L1 (chết), Nguyễn Thị Thu V.

Năm 1957, cha bà qua đời, mẹ bà tiếp tục sử dụng đất. Đến năm 1962 chính quyền cũ quy khu “Áp Chiến lược” cho các hộ khoảng 01 ha cặp theo đường lộ LV thuộc xã Th nên đất còn lại 5.40ha. Vào năm 1992 mẹ bà chia lại cho các con mỗi người 6.000m<sup>2</sup> đất gồm: Nguyễn Văn Q (chết), Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Trung H, Nguyễn Thuận L, Nguyễn Phước L1 (chết), Nguyễn Thị Thu V (riêng Nguyễn Thành X không nhận). Diện tích còn lại khoảng 18.000m<sup>2</sup> để làm đất hương hỏa (trên đất có ngôi chùa TST để thờ cúng ông bà thân tộc, có nhiều mồ mả). Đến năm 1994 mẹ bà (cụ Nguyễn Thị Ch1) chết, không để lại di chúc.

Năm 1994, ông Nguyễn Trung H gặp khó khăn nên trở về ở trong chùa TST để giữ gìn và lo hương khói.

Năm 2018, bà hay tin diện tích đất trên do Nguyễn Thị Thu Tr đứng tên và làm thủ tục đo đạc tách thửa cho người khác. Qua tìm hiểu thì được biết ông Nguyễn Trung H tự ý làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo 02 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI 122854 (JH0220ek) và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI 122853 (H02206ek) do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/7/2007. Năm 2013, ông H lập thủ tục sang tên cho con là Nguyễn Tấn T và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận BO 968268 (CH05026) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 968269 (CH5027) ngày 06/01/2014 cho Nguyễn Tấn T.

Năm 2017, Tài lập thủ tục tặng cho 02 phần đất trên cho Nguyễn Thị Thu Tr. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 578609 (CS06116) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất **SỐ** CL578610 (CS06117) ngày 27/11/2017 diện tích chung 17.909,6m<sup>2</sup> cho Nguyễn Thị Thu Tr.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu:

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02207eK, diện tích 8.651m<sup>2</sup>, thửa số 25, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/7/2007 cho hộ ông Nguyễn Trung H;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02206eK, diện tích 9.988m<sup>2</sup>, thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/7/2007 cho hộ ông Nguyễn Trung H;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05026, diện tích 8.651m<sup>2</sup>, thửa số 25, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 06/01/2014 cho ông Nguyễn Tấn T;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05027, diện tích 9.988m<sup>2</sup>, thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 06/01/2014 cho ông Nguyễn Tấn T;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06116, diện tích 7921.6m<sup>2</sup>, thửa số 29, tờ bản đồ số 44 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu Tr;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06117, diện tích 9.988m<sup>2</sup>, thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu Tr.

*Người bị kiện là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang có ý kiến về vụ kiện tại Văn bản số 34/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 05/01/2019 như sau:*

Khu đất có diện tích 18.639m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm do ông Nguyễn Tấn T quản lý, sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH05026, CH050527 cấp ngày 06/01/2014. Nguồn gốc đất do nhận thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất từ hộ ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị M.

Ngày 08/11/2017, ông Nguyễn Tấn T tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên với diện tích 17.909,6m<sup>2</sup> cho bà Nguyễn Thị Thu Tr theo Hợp đồng tặng cho được Văn phòng Công chứng LMH chứng nhận cùng ngày và nộp hồ sơ đăng ký tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện T ngày 19/11/2017. Diện tích đất còn lại 729,4m<sup>2</sup> ông Nguyễn Tấn T tặng cho bà Nguyễn Thị Thu Tr.

Ngày 22/11/2017, Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh T chỉnh lý biến động Giấy chứng nhận tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thu Tr. Do bà Nguyễn Thị Thu Tr có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thu Tr với diện tích 17.909,6m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm, Giấy chứng nhận có số vào sổ CS06116, CS06117 ngày 27/11/2017.

Căn cứ Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐCP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định, khi người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới Giấy chứng nhận thì cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Sở Tài nguyên và Môi trường.

Theo quy định trên thì việc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu Tr là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

*Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến về vụ kiện tại Văn bản số 1194/UBND-NC ngày 25/3/2019 của UBND huyện T như sau:*

1/. Giấy chứng nhận QSDĐ số H05027 ngày 06/11/2014, diện tích 9.988m<sup>2</sup>, thửa số 8, tờ bản đồ số 44 và Giấy chứng nhận QSDĐ số H05026 ngày 06/11/2014, diện tích 8.651m<sup>2</sup>, thửa số 25, tờ bản đồ số 44 do UBND huyện cấp cho ông Nguyễn Tấn T.

Qua thẩm tra hồ sơ thủ tục được biết nguồn gốc đất do ông Nguyễn Tấn T nhận thừa kế lại của ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị M theo Văn bản thuận phân chia tài sản số 238-Quyển số 01 TP/CC-SCC-TPTS ngày 26/12/2013 do Văn phòng công chứng T chứng thực.

Năm 2017, ông Nguyễn Tấn T lập thủ tục tặng cho toàn bộ phần diện tích đất của 02 Giấy chứng nhận trên lại cho bà Nguyễn Thị Thu Tr theo Hợp đồng số 876-Quyển số 02TP/CC-SCC-HĐCN-và số 876-Quyển số 01 TP/CC-SCC-HĐCN.

2/. Về hồ sơ trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ của ông Nguyễn Tấn T: Được thực hiện đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện T là ông Nguyễn Văn Thành có ý kiến tại biên bản làm việc ngày 29/3/2019, cụ thể:*

Năm 1998, theo yêu cầu của ông Nguyễn Trung H, Ủy ban nhân dân huyện T có cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Trung H. Đến năm 2007, thực hiện chủ trương đo đạc và đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân huyện T tiến hành đo đạc và cấp đổi lại 02 Giấy chứng nhận:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02207eK, diện tích 8.651m<sup>2</sup>, thửa số 25, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/7/2007 cho hộ ông Nguyễn Trung H;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02206eK, diện tích 9.988m<sup>2</sup>, thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/7/2007 cho hộ ông Nguyễn Trung H.

Từ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, ông Nguyễn Tấn T nhận thừa kế lại của ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị M theo Văn bản thuận phân chia tài sản số 238 ngày 26/12/2013 đổi thành 02 Giấy chứng nhận sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05026, diện tích 8.651m<sup>2</sup>, thửa số 25, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 06/01/2014 cho ông Nguyễn Tấn T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05027, diện tích 9.988m<sup>2</sup>, thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 06/01/2014 cho ông Nguyễn Tấn T.

Năm 2017, ông Nguyễn Tấn T lập thủ tục tặng cho toàn bộ diện tích đất của 02 Giấy chứng nhận của ông T cho bà Nguyễn Thị Thu Tr, thành 02 Giấy chứng nhận sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06116, diện tích 7921.6m<sup>2</sup>, thửa số 29, tờ bản đồ số 44 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu Tr;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06117, diện tích 9.988m<sup>2</sup>, thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/11/2017

cho bà Nguyễn Thị Thu Tr.

Trình tự cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V, Ủy ban nhân dân huyện T không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Nguyễn Tấn T trình bày:* Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị M (đã chết) là cha mẹ ruột của bà Tr và ông T. Trước khi bà nội là Nguyễn Thị Ch1 mất (khoảng năm 1994-1995), thì ông H đã ở trong phủ thờ của dòng họ. Trong thời gian này thì ông H có ra CĐ để đi làm, nhưng sau khi bà Ch1 mất thì ông H ở trong nhà phủ thờ từ đó đến nay.

Mặc dù đất đai ông H sử dụng có nguồn gốc từ ông bà nội để lại nhưng ông Nguyễn Trung H được cấp Giấy chứng nhận là hoàn toàn hợp pháp, cũng như việc ông H chuyển quyền sử dụng đất cho ông T và từ ông T chuyển sang cho bà Tr cũng hợp pháp, đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Do đó, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các ông, bà Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Thuận L, Nguyễn Văn H1, Bùi Thị Kh, Nguyễn Phước M và Nguyễn Minh T, trình bày:* Thống nhất với trình bày về nguồn gốc đất mà bà V đã trình bày, các ông bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V vì đây là di sản thừa kế chưa chia, việc ông H tự ý đăng ký là không hợp pháp.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:*

Căn cứ Điều 32, 115, 116, 193, 194, 204, 206, 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 9 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01593 QSDSS/eK ngày 20/11/1998 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Nguyễn Trung H.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02207eK, diện tích 8.651m<sup>2</sup>, thửa số 25, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/7/2007 cho hộ ông Nguyễn Trung H;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02206eK, diện tích 9.988m<sup>2</sup>, thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/7/2007 cho hộ ông Nguyễn Trung H;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05026, diện tích 8.651m<sup>2</sup>, thửa số 25, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày

06/01/2014 cho ông Nguyễn Tấn T;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05027, diện tích 9.988m<sup>2</sup>, thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 06/01/2014 cho ông Nguyễn Tấn T;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06116, diện tích 7921.6m<sup>2</sup>, thửa số 29, tờ bản đồ số 44 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu Tr;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06117, diện tích 9.988m<sup>2</sup>, thửa số 8, tờ bản đồ số 44 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu Tr.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17/2/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V. Ông Nguyễn Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu Tr trình bày: Cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng; giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu V trình bày: Bản án sơ thẩm xét xử là đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của ông Nguyễn Trung H.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr:

[2.1] Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu V, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Quang Tr, ông Nguyễn Thuận L, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr đều thống nhất diện tích đất 17.909,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp N, xã Th, huyện T mà ông Nguyễn Trung H quản lý, sử dụng sau đó được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01593 QSDSS/eK ngày 20/11/1998, được cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02207eK, ngày 09/7/2007 với diện tích 8.651m<sup>2</sup>, thửa số 25, tờ bản đồ số 44 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02206eK, ngày 09/7/2007 với diện tích 9.988m<sup>2</sup>, thửa số 8, tờ bản đồ số 44 cho hộ ông Nguyễn Trung H có nguồn gốc của cụ Nguyễn Quang Ch (chết năm 1957) và cụ Nguyễn Thị Ch1 (chết năm 1994) tạo lập.

Tại bản kê khai ruộng đất ngày 17/10/1998 (BL244), ông Nguyễn Trung H kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ghi nguồn gốc đất “*đất cha mẹ chia làm phủ thờ*”.

Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày thì trên diện tích đất của cụ Ch và cụ Ch1 tạo lập và để lại nêu trên còn có công trình, vật kiến trúc (Chùa TST, mộ mã) và những cây lâu năm (có tuổi đời trên 70 năm) từ thời cụ Ch, cụ Ch1 còn sống để lại đến nay.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định phần diện tích đất 17.909,6m<sup>2</sup> ông Nguyễn Trung H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01593 QSDSS/eK ngày 20/11/1998 là di sản của cụ Ch và cụ Ch1 để lại.

[2.2] Cụ Ch, cụ Ch1 chết, không để lại di chúc. Hai cụ có 07 người con gồm: Nguyễn Thành X (chết 2016), Nguyễn Văn Q (chết 2010), Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Trung H, Nguyễn Thuận L, Nguyễn Phước L1 (chết), Nguyễn Thị Thu V; là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ch và cụ Ch1.

Năm 1998, ông Nguyễn Trung H tự ý đăng ký kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với di sản trên nhưng không có sự đồng ý của tất cả những người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ch và cụ Ch1 là ông Nguyễn Thành X, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Quang Tr, ông Nguyễn Thuận L, ông Nguyễn



Phước L1 và bà Nguyễn Thị Thu V. UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01593 QSDSS/eK ngày 20/11/1998, được cấp đổi thành H02207eK và H02206eK, ngày 09/7/2007 cho hộ ông Nguyễn Trung H là không đúng với quy định pháp luật.

[2.3] Trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01593 QSDSS/eK ngày 20/11/1998 (cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02207eK, ngày 09/7/2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02206eK ngày 09/7/2007 UBND huyện T) cấp không đúng quy định pháp luật cho hộ ông Nguyễn Trung H nêu trên; ông H cùng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị M (vợ ông H) lập văn bản khai nhận di sản thừa kế, thống nhất giao cho ông Nguyễn Tấn T quyền sử dụng đất; ông Nguyễn Tấn T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thu Tr (đều là các con của ông H) là trái với quy định pháp luật.

[2.4] Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Văn Tài và bà Nguyễn Thị Thu Tr là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Ông H, ông T, bà Tr kháng cáo cho rằng diện tích đất trên mặc dù có nguồn gốc của cụ Ch, cụ Ch1 nhưng ông H, bà M đã được cha mẹ cho ở trên đất; thực tế quản lý, sử dụng đất từ năm 1994 đến nay và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp; khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà V cũng như các anh chị em khác của ông H cũng không có ý kiến phản đối; do đó yêu cầu khởi kiện của bà V là không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy, việc UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H mà không có ý kiến của các đồng thừa kế khác của cụ Ch và cụ Ch1 là không đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trong phạm vi vụ án hành chính, Hội đồng xét xử chỉ xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về trình tự, thủ tục có hợp pháp hay không; mà không xem xét đối với tranh chấp về quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế của các bên đương sự. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế thì các bên đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự để yêu cầu giải quyết.

[2.6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Do ông Nguyễn Trung H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 225, khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Trung H.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Tr mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005685 và 0005686 cùng ngày 22/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; đương sự đã thực hiện xong. Ông Nguyễn Trung H được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- ĐS (15);
- Lưu VP (3), HS (2).25b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thanh Dũng**